

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN ĐẤT ĐỎ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hà
2. Bà Dương Thị Được

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng S, sinh năm 1972, địa chỉ khu phố T, thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Duy T, sinh năm: 1978, địa chỉ khu phố T, thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng S trình bày:

Bà S và ông T chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con là Phạm Bùi Gia H sinh ngày 25/6/2007 và Bùi Phạm Kim T sinh ngày 27/11/2011, nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể giải quyết được, ông T có hành vi bạo lực gia đình dùng rựa rọt đuổi bà S, có nhót bà

S, nhiều lần vợ chồng mâu thuẫn, công an xuống nhà giải quyết hai lần. Nay bà S nhận thấy không còn tình cảm gì với ông T nữa nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con là Phạm Bùi Gia H sinh ngày 25/6/2007 và Bùi Phạm Kim T sinh ngày 27/11/2011. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn ông Bùi Duy T: Ông T chung sống với bà S từ năm 2005, đến năm 2007 sinh đứa con đầu lòng, đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn. Nay bà S xin ly hôn với ông T, ông T không đồng ý ly hôn. Vợ chồng cũng có gây gổ nhau, ông T có hù bà S, có một lần ông T cầm rựa hù bà S, có công an xuống nhà hai lần rồi, nhưng ông T chưa có đánh bà S, chưa gây thương tích bà S lần nào, bà S hay chửi ông T. Ông T còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Bùi Gia H sinh ngày 25/6/2007 và Bùi Phạm Kim T sinh ngày 27/11/2011. Con chung đang sống cùng vợ chồng ông T, ông T yêu cầu nuôi con chung là cháu T, ông T đồng ý bà S nuôi cháu H, ông T không cấp dưỡng và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ngày 05/6/2023, ông T nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Bà S và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà S và ông T là trầm trọng, ông T có hành vi bạo lực gia đình, không ai quan tâm đến ai nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S giao hai con chung cho bà S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, ông T có quyền khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Đất

Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông T tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy: Mâu thuẫn giữa bà S và ông T là có thật, ông T có hành vi bạo lực gia đình là có nhốt bà S, có dùng rựa rượt đuổi bà S, nên vợ chồng sống không hạnh phúc, ông không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà S và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S.

+ Về con chung: Có 02 con là Phạm Bùi Gia H sinh ngày 25/6/2007 và Bùi Phạm Kim T sinh ngày 27/11/2011. Bà S yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung hiện do bà S và ông T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nguyện vọng của hai con là được sống cùng bà S, ông T có hành vi bạo lực gia đình sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc nuôi dưỡng con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà S, giao hai con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Ông T có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, căn cứ Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu phản tố phải được nộp trước phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, dành quyền khởi kiện cho ông T ở vụ án khác chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Về án phí: Bà S phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng S được ly hôn ông Bùi Duy T.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Bùi Gia H sinh ngày 25/6/2007 và Bùi Phạm Kim T sinh ngày 27/11/2011 cho bà Phạm Thị Hồng S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Ông Bùi Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Duy T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Án phí: Bà Phạm Thị Hồng S phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu T số 0010217 ngày 10/4/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự Hện Đất Đỏ, bà S đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2023) đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND Hện Đất Đỏ;
- THA Hện Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- UBND TT Phước Hải;
- Lưu hồ sơ.

Châu Nguyễn Xuân Thu